

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 3941/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 25 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh,
huyện Phù Cát của UBND huyện Phù Mỹ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3101/STNMT-CCBVMT ngày 15/9/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh, huyện Phù Cát của UBND huyện Phù Mỹ;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh, huyện Phù Cát đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1959/UBND-BQL ngày 11/10/2023 của UBND huyện Phù Mỹ;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1273/TTr-STNMT ngày 24/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh, huyện Phù Cát (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Phù Mỹ (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại huyện Phù Mỹ và huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Phù Mỹ;
- UBND huyện Phù Cát;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
TUYẾN ĐƯỜNG LIÊN HUYỆN TỪ THỊ TRẤN PHÙ MỸ ĐI
XÃ CÁT MINH, HUYỆN PHÙ CÁT CỦA UBND HUYỆN PHÙ MỸ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh, huyện Phù Cát.
- Địa điểm thực hiện: huyện Phù Mỹ và huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: UBND huyện Phù Mỹ.
- Địa chỉ liên hệ: Thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Dự án Tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh, huyện Phù Cát có tổng chiều dài đoạn tuyến là 12,1 km (trong đó, cầu Bờ Mun đang xây dựng dài khoảng 0,8 km không thuộc phạm vi dự án). Chiều dài tuyến đường của dự án khoảng 11,3 km. Phạm vi xây dựng tuyến đường như sau:

+ Điểm đầu Km0+00: Nối tiếp đường trục chính Khu đô thị Trà Quang Nam cách QL1A (tại Km1177+500) khoảng 300 m thuộc thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ.

+ Điểm cuối Km12+100: Giáp với đường bê tông nhựa hiện trạng thuộc xã Cát Minh, huyện Phù Cát.

Tuyến đường đi qua địa bàn các xã, thị trấn: thị trấn Phù Mỹ, xã Mỹ Quang, Mỹ Tài, Mỹ Chánh Tây, Mỹ Chánh, Mỹ Cát, huyện Phù Mỹ và xã Cát Minh, huyện Phù Cát; trong đó, tuyến đi qua địa phận huyện Phù Mỹ dài khoảng 10,6 km và huyện Phù Cát chiều dài khoảng 0,7 km.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm: Hoạt động khai thác đất phục vụ thi công.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án:

- Xây dựng tuyến đường đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng (TCVN 4054:2005), bề rộng nền đường 9,0 m, bề rộng mặt đường 7,0 m; bề rộng mặt lề 2,0 m. Xây dựng các công trình trên tuyến bao gồm: xây dựng các cầu trên tuyến, hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng, công trình hạ tầng kỹ thuật dọc tuyến, hệ thống an toàn giao thông.

- Xây dựng 03 cầu trên tuyến, gồm:

+ Cầu Trà Thanh 03 nhịp giản đơn dài L = 24 m, dạng dầm bản rộng, lý

trình Km0+063,85, kết cấu BTCT dự ứng lực và BTCT, chiều dài toàn cầu 80,3 m, bề rộng cầu phù hợp với khổ đường 12,0 m.

+ Cầu Trung Thành 01 nhịp giản đơn dài $L = 33$ m, dạng dầm I, lý trình Km0+909,16, kết cấu BTCT dự ứng lực và BTCT, chiều dài toàn cầu 41,1 m, bề rộng cầu phù hợp với khổ đường 10,0 m.

+ Cầu Trinh Thượng 03 nhịp giản đơn dài $L = 33$ m, dạng dầm I, lý trình Km11+124,91, kết cấu BTCT dự ứng lực và BTCT, chiều dài toàn cầu 109,3 m, bề rộng cầu phù hợp với khổ đường 10,0 m.

- Nút giao thông: Thiết kế các nút giao thông, đường giao có kết cấu mặt đường phù hợp với tuyến đường chính, nút giao dạng giao cùng mức, phân luồng giao thông bằng vạch sơn, biển báo.

- Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng cọc tiêu, biển báo, vạch sơn đường, cột Km, cọc H, tường hộ lan tôn sóng theo đúng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.

- Hệ thống điện chiếu sáng: Xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng đi nổi trên lề đường, với hệ thống đường dây chiếu sáng dài $L = 11.977$ m và cột điện chiếu sáng sử dụng loại cột bê tông ly tâm $H = 8,5$ m, cột thép và cột hiện có (bằng bê tông ly tâm), đèn Led 120W-180W, nhiệt độ màu 5.000K-6.000K, khoảng cách trung bình giữa 02 cột chiếu sáng là 30 – 35 m và hệ thống chiếu sáng được điều khiển qua 04 tủ điều khiển. Xây dựng mới đường dây 0,4kV dài $L = 877$ m cấp nguồn cho tủ điều khiển.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: Trong giai đoạn xây dựng, lắp đặt 02 trạm trộn BTXM với công suất $50 \text{ m}^3/\text{h}$ (tương đương 120 tấn/h), diện tích khoảng 350 m^2 tại mặt bằng bố trí thi công cầu Trà Thanh bên phải tuyến và cầu Trinh Thượng bên trái tuyến, ngoài ra còn bố trí lán trại, bãi tập kết máy móc và nguyên vật liệu, bãi đúc và chứa dầm, đường công vụ, cống tạm.

1.3.3. Các hạng mục công trình thoát nước của dự án: có 54 cống thoát nước nhỏ đặt tại các vị trí tuyến cắt qua các kênh, mương thủy lợi và các khe thoát nước lưu vực; 07 công trình cống hộp lớn với tải trọng thiết kế HL93, xây dựng rãnh dọc hình chữ nhật đối với đoạn qua khu dân cư bằng BTCT; xây dựng gia cố rãnh dọc qua đoạn dốc lớn, đoạn nền đào bằng rãnh hình thang và xây dựng mái taluy nền đường đối với một số đoạn xung yếu đối với nền đường đắp bằng BTXM và nền đường thông thường trồng cỏ.

1.3.4. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: 03 nhà vệ sinh di động; 02 hố lắng 3 ngăn và bố trí 02 hố lắng 2 ngăn tại 02 trạm trộn; 05 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, 09 thùng chứa chất thải nguy hại có dán nhãn cảnh báo, bãi tập kết tạm; có 07 bãi thải tại 6 vị trí (huyện Phù Mỹ có 6 bãi thải: bãi thải Núi Rùa thuộc xã Mỹ Quang, bãi thải Gò Mả Kiệu thuộc xã Mỹ Tài, bãi thải Trung Thuận và bãi thải Núi Dứa tại xã Mỹ Chánh Tây, bãi thải Núi Đông An thuộc xã Mỹ Chánh, bãi thải Núi Bé thuộc xã Mỹ Cát và huyện Phù Cát có 01 bãi thải tại Núi Bé thuộc xã Cát Minh).

1.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 4,34 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Hoạt động chuẩn bị mặt bằng thi công, phá dỡ nhà cửa, các công trình hạ tầng khu vực dự án, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình cầu, cống, tuyến đường giao thông, hệ thống thoát nước và các công trình phụ trợ và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thải, phế thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, ảnh hưởng đến cảnh quan, hoạt động giao thông đường bộ, hệ thống kênh mương tưới tiêu và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, gây ngập úng, gián đoạn nguồn nước tưới, sạt lở và sự cố cháy, nổ,...

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động duy tu, bảo dưỡng tuyến đường phát sinh chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- Hoạt động của các phương tiện lưu thông trên tuyến đường phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh (giai đoạn 1 khoảng 2,16 m³/ngày; giai đoạn 2 khoảng 1,08 m³/ngày). Thành phần ô nhiễm chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng:

- + Nước thải từ trạm trộn với lưu lượng khoảng 0,5 - 1 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS),...

- + Phát sinh từ hoạt động rửa xe, rửa thiết bị thi công với lưu lượng khoảng 5 m³/ngày vào giai đoạn 1 và khoảng 2 m³/ngày vào giai đoạn 2. Thành phần chủ yếu là BOD₅, TSS, COD, dầu mỡ khoáng, đất, cát,...

- + Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, cát trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng, làm cầu cống tạm, đường công vụ; quá trình vận chuyển, bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu, đất đào bốc, phá dỡ công trình hiện trạng, hoạt động giải phóng mặt bằng, hoạt động của trạm trộn, thổi bụi mặt đường, trải thảm nhựa đường, đất đắp san nền; quá trình thi công

xây dựng; khí thải từ các máy móc, thiết bị trong quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x , NO_x , SO_2 , VOC,...

3.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh trong giai đoạn 1 với khối lượng khoảng 48 kg/ngày và giai đoạn 2 khoảng 24 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Phát sinh từ hoạt động phá dỡ công trình hiện hữu trong phạm vi giải phóng mặt bằng trong suốt quá trình thi công với khối lượng khoảng 29.400 m³, phá dỡ mố mả khoảng 689,4 m³. Thành phần chủ yếu gồm: đất đá, bê tông, sắt thép vụn,...

+ Phát sinh từ hoạt động thi công đào, đắp từ tuyến đường với khối lượng khoảng 97.149,12 m³. Thành phần chủ yếu là bùn, đất thải,...

+ Từ hoạt động khoan cọc nhồi với lượng bentonite thải 390,18 m³.

+ Phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng, đúc đầm với khối lượng khoảng 50 - 70 kg/ngày. Thành phần: gạch, gỗ, bao xi măng, các vụn nguyên liệu, xà gỗ, ván khuôn, sắt thép vụn,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay dầu,... của máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển có khối lượng khoảng 135 kg trong suốt quá trình thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu gồm: que hàn thải, dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, ắc quy, pin thải,...

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh với lượng nhỏ không đáng kể trong quá trình duy tu, bảo dưỡng.

3.3. Tiếng ồn và độ rung

Hoạt động phá dỡ nhà cửa, bóc phong hóa; hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; hoạt động của 02 trạm trộn; hoạt động các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm,.. hoạt động đầm nén nền đường phát sinh tiếng ồn ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực thi công Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải:

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến giao thông, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động thu hồi đất thổ cư, chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa gây tác động đến đời sống và sinh kế của người dân.

- Hoạt động thi công đắp nền đường, hoàn trả mương nước hiện trạng tại khu vực thi công tuyến đường gây ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước, ngập úng cục bộ, nguồn nước tưới nông nghiệp và gây cản trở hoạt động giao thông đi lại của người dân tại khu vực.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Về xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: thu gom và xử lý nước thải bằng 03 nhà vệ sinh di động có dung tích 2,5 m³, hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước mưa tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải xây dựng: qua hố lắng 03 ngăn với dung tích 3 m³/hồ để thu gom, lắng lọc nước thải và tái sử dụng cho quá trình thi công xây dựng (tưới ẩm, đập bụi bề mặt công trường, tưới ẩm nguyên vật liệu, rửa bánh xe).

- Nước thải từ trạm trộn BTXM: qua hố lắng 02 ngăn với dung tích 4 m³/hồ để thu gom, lắng lọc nước thải từ hoạt động vệ sinh cối trộn và tái sử dụng cho quá trình thi công xây dựng (tưới ẩm, đập bụi bề mặt công trường, làm ẩm nguyên vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển).

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín, không để rơi vãi, hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi tại khu vực thi công; thực hiện phun tưới nước đập bụi tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu, tuyến đường công vụ và khu vực lân cận công trường tần suất 2 lần/ngày.

- Bố trí trạm trộn xa khu dân cư, ở cuối hướng gió, che chắn các bãi tập kết vật liệu và làm ẩm trước khi đưa lên băng chuyền, sử dụng tấm quây bằng vải bạt để tránh phát tán bụi.

- Tưới ẩm nguyên vật liệu, bề mặt khu vực trạm trộn với tần suất từ 2-3 lần/ngày để giảm thiểu lượng bụi phát sinh từ hoạt động của trạm trộn bê tông.

- Tiến hành san ủi vật liệu, đầm nén ngay sau khi được tập kết đất xuống mặt bằng.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

- Lập kế hoạch chi tiết tuyến đường, thời gian tiến hành vệ sinh mặt đường tạo nhám (nghiêm cấm vệ sinh mặt đường vào giờ cao điểm, tan tầm; ưu tiên vệ sinh vào các giờ đêm có sử dụng bạt che chắn đối với vị trí nhạy cảm) và

thông báo kế hoạch này trước 15 - 20 ngày cho chính quyền và người dân khu vực chủ động trong công tác sinh hoạt và kinh doanh.

- Lập kế hoạch thi công trước khi triển khai thi công xây dựng để hạn chế việc tập trung nhiều thiết bị thi công cùng một lúc.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng thu gom, phân loại rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

- + Tận dụng triệt để các nguyên vật liệu có thể tái chế, tái sử dụng (bao xi măng, plastic, sắt, thép, cốt pha bằng gỗ...).

- + Phần chất thải xây dựng không thể tận dụng được sẽ thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- + Thu gom toàn bộ khối lượng đất cát, chất thải thực bì, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng xử lý theo quy định.

- + Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động tháo dỡ công trình cũ và đất bóc phong hóa: bố trí bãi chứa tạm đảm bảo về môi trường, gần khu vực thi công để thu gom chất thải xây dựng và vận chuyển về 07 bãi thải tại 6 vị trí. Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường, hạn chế sa bồi, sạt lở và phục hồi môi trường bãi thải khi kết thúc đổ thải.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Thực hiện thu gom riêng chất thải nguy hại với chất thải phải kiểm soát và bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại có dán nhãn tại khu vực lán trại.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Xây dựng kế hoạch thi công cụ thể nhằm sử dụng các thiết bị thi công trong công trình một cách hợp lý nhằm tránh vận hành đồng thời nhiều thiết bị gây ồn, rung. Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Yêu cầu các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu khi qua khu vực dân cư phải giảm tốc độ, không chở quá tải và hạn chế bóp còi vào giờ cao điểm.

- Bố trí thời gian đổ bê tông trong khoảng thời gian thi công từ 7h00 - 11h30 và từ 13h30 - 17h00 để tránh ảnh hưởng đến giờ nghỉ ngơi người dân.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án giảm thiểu tác động do hoạt động chiếm dụng đất lúa

Phương án đền bù, giải phóng mặt bằng được thực hiện công khai, hợp lý đúng theo quy định. Đối với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi tạm thời sẽ có chính sách hỗ trợ, đền bù tương xứng và sau khi thi công phải thực hiện hoàn trả mặt bằng để người dân tiếp tục sản xuất.

4.4.2. Phương án thoát nước qua tuyến đường

Dự án có chiếm dụng tạm thời một số kênh mương thủy lợi hiện trạng; do vậy, để không ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước khu vực, Chủ dự án thực hiện phương án cải mương với kích thước phù hợp để đảm bảo thoát nước trong quá trình thi công và hình thành tuyến đường, dự án cũng xây dựng một số cống mới. Ưu tiên thi công các công trình thoát nước trên tuyến trước khi thi công tuyến đường.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm làm công tác đảm bảo an toàn phù hợp với quy mô, mức độ rủi ro xảy ra tai nạn lao động của công trường theo quy định.

- Tổ chức phân luồng giao thông và bố trí biển báo tại các khu vực có dân cư qua lại, khu vực tiếp giáp với đường giao thông để hạn chế tối đa các khả năng xảy ra sự cố tai nạn giao thông, có người điều tiết giao thông vào giờ cao điểm.

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy định phòng chống cháy, nổ trong khu vực.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát:

- + Giai đoạn 1, giám sát 04 vị trí:

Khu vực bố trí mặt bằng thi công, trạm trộn 01 vị trí tại khu vực bố trí mặt bằng thi công, trạm trộn bên phải điểm đầu dự án, tọa độ (1.566.134; 586.128).

Khu vực bố trí mặt bằng thi công gần cầu Trung Thành, gần khu dân cư hiện trạng thuộc xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ tại Km0+860, tọa độ (1.565.959; 586.969).

Khu vực bố trí mặt bằng thi công, trạm trộn gần cầu Trinh Thượng, gần khu dân cư hiện trạng thuộc xã Mỹ Cát, huyện Phù Mỹ tại Km11+010, tọa độ (1.562.720; 594.331).

Điểm cuối khu vực dự án gần khu dân cư hiện trạng thuộc xã Cát Minh, huyện Phù Cát, tọa độ (1.561.697; 594.529).

- + Giai đoạn 2, giám sát 02 vị trí:

Khu vực bố trí mặt bằng thi công, trạm trộn bên phải điểm đầu dự án, tọa độ (1.566.134; 586.128).

Khu vực bố trí mặt bằng thi công, trạm trộn gần cầu Trinh Thượng, gần khu dân cư hiện trạng thuộc xã Mỹ Cát, huyện Phù Mỹ tại Km11+010, tọa độ (1.562.720; 594.331)

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, TSP.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: khối lượng phát sinh, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ để quản lý theo quy định.

5.3. Giám sát sạt lở

- Vị trí giám sát: tại các cầu trên tuyến đường.

- + Cầu Trà Thanh L = 80,3 m, lý trình Km0+063,85 (tọa độ: 1.566.129; 586.166).

- + Cầu Trung Thành L = 41,1 m, lý trình Km0+909,16 (tọa độ: 1.565.949; 587.010).

- + Vị trí cống hộp tại lý trình Km3+824,83 (tọa độ: 1.565.319; 589.769).

- + Cầu Trinh Thượng L = 109,3 m, lý trình Km11+124,91 (tọa độ: 1.562.605; 594.333).

- Tần suất giám sát: 02 lần/năm trước và sau mùa mưa (trước 30/9 và sau 05/12 hằng năm).